



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tư Vấn Xây Dựng Điện 3

Ngày 30/09/2025	17,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.0%	60.2%	54.9%

DT thuần Q3/25
115
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 48.3 72.1%
YoY: ▲ 87.2 313%

LN thuần Q3/25
6.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.34 104%
YoY: ▲ 6.38 3753%

LN sau thuế Q3/25
5.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.79 187%
YoY: ▲ 5.57 2229%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
6.1%
YoY: +/- ▲ 0.8%

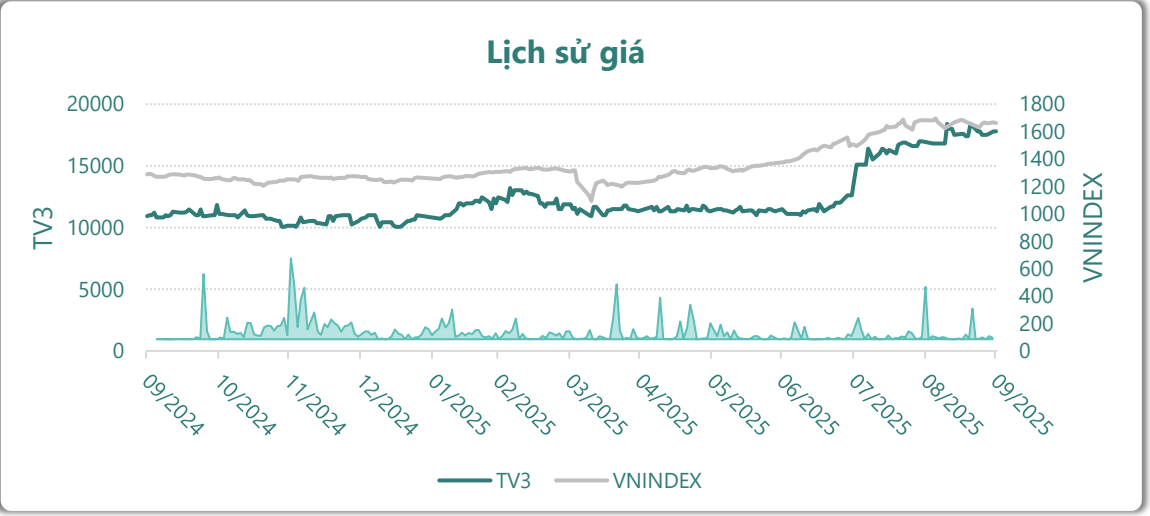
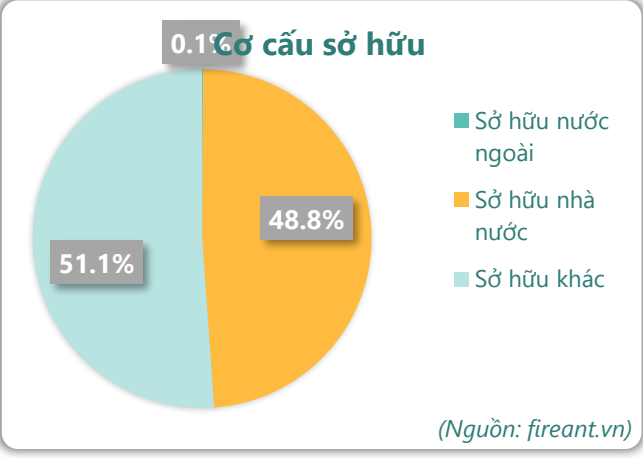
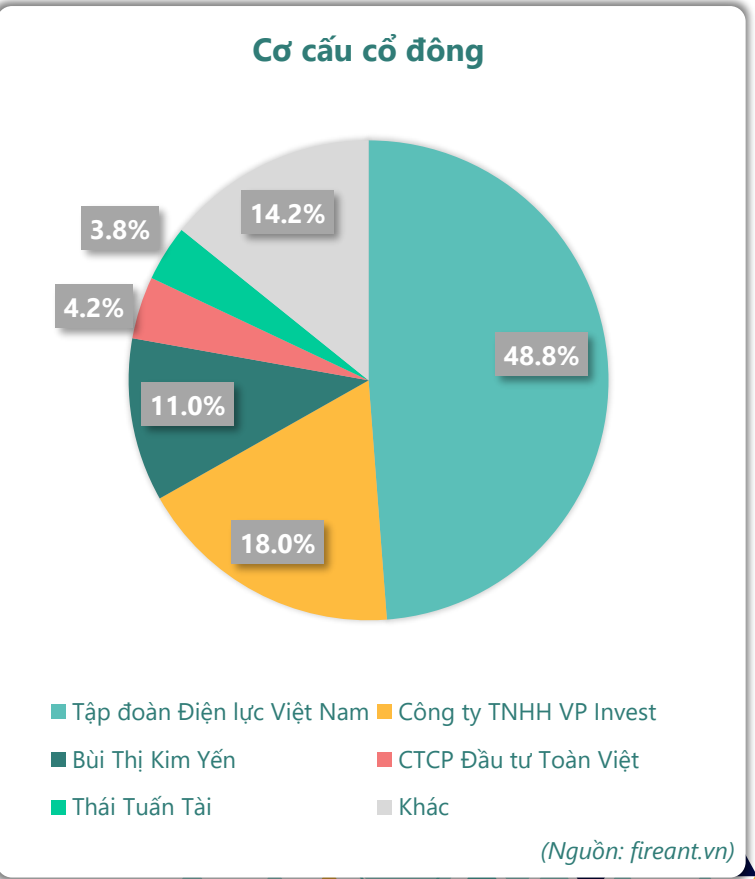
ROE (TTM) Q3/25
14.9%
YoY: +/- ▲ 3.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,055 - 18,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	169
Số lượng CPLH (CP)	9,517,289
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,595
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.46
EPS	2,458
P/E	7.2

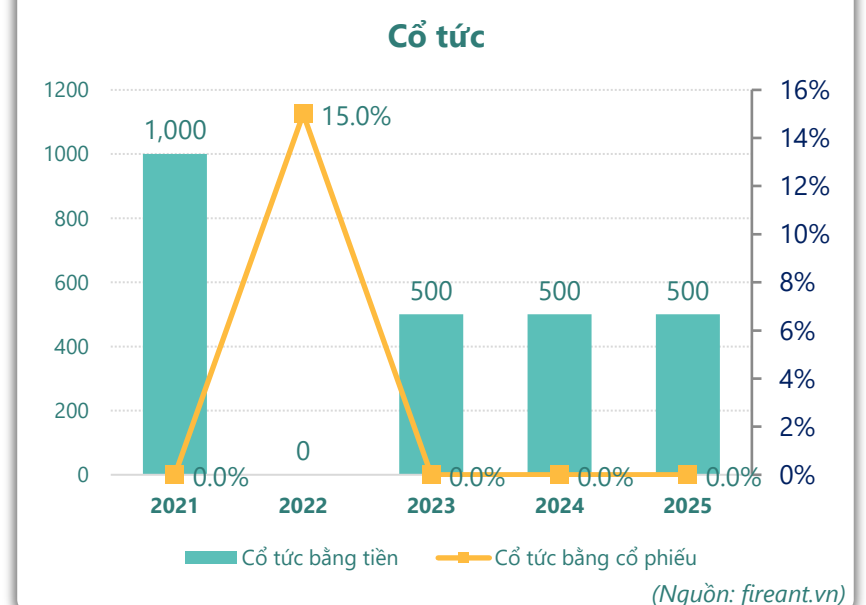
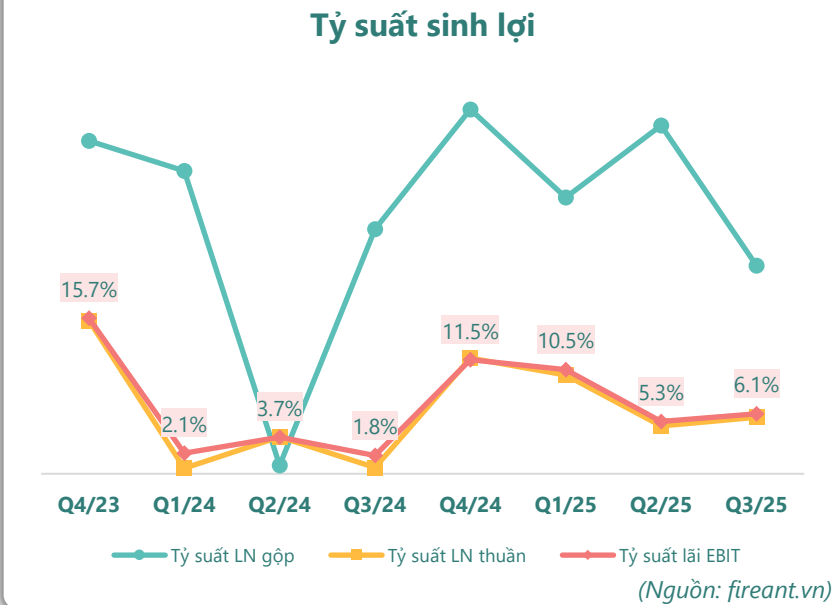
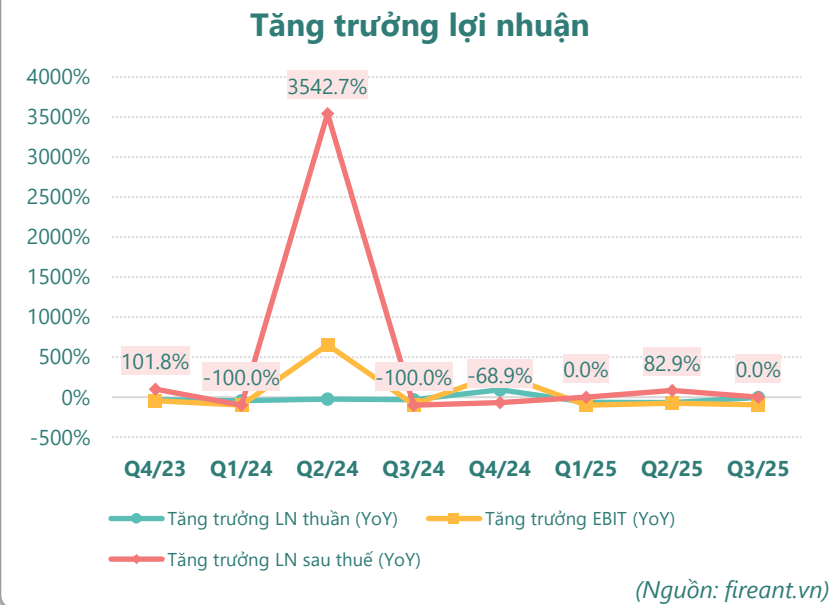
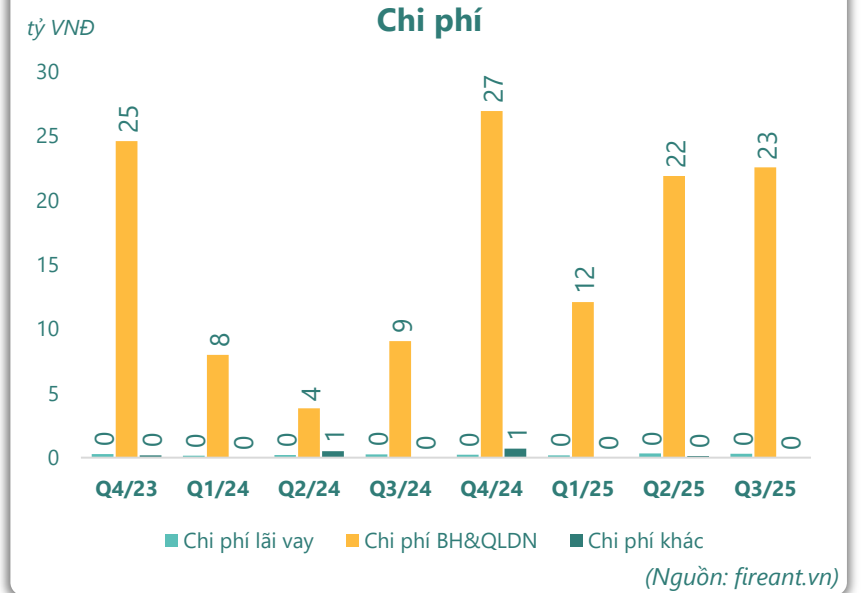
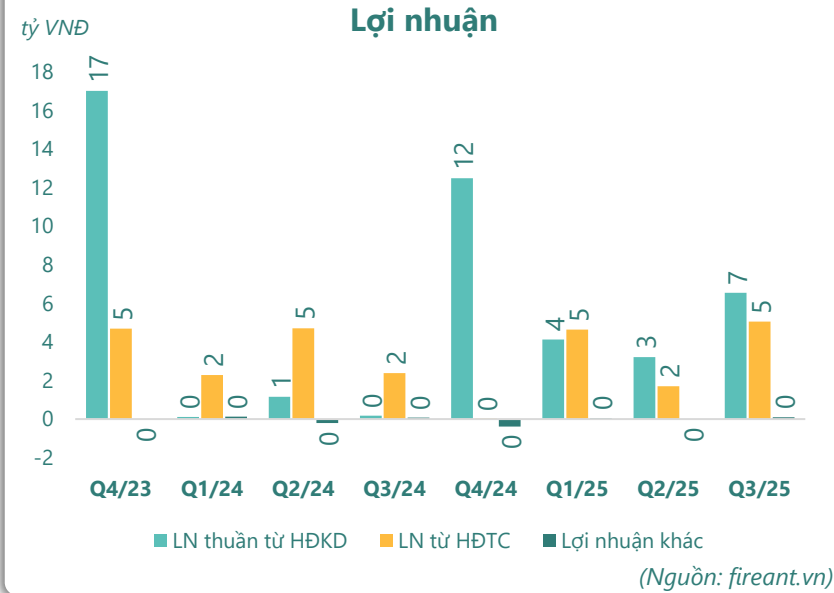
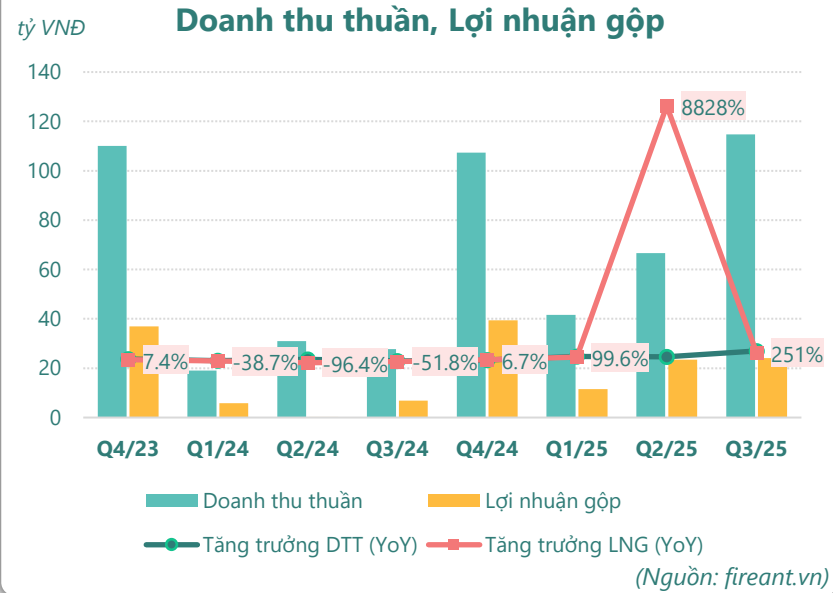
DT thuần 9T 2025
223
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 145 187%

LN thuần 9T 2025
13.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.5 875%

LN sau thuế 9T 2025
12.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.2 1389%



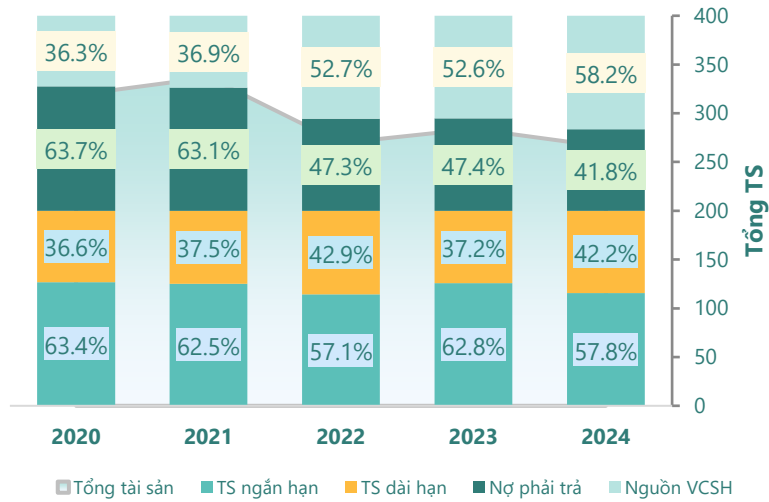
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

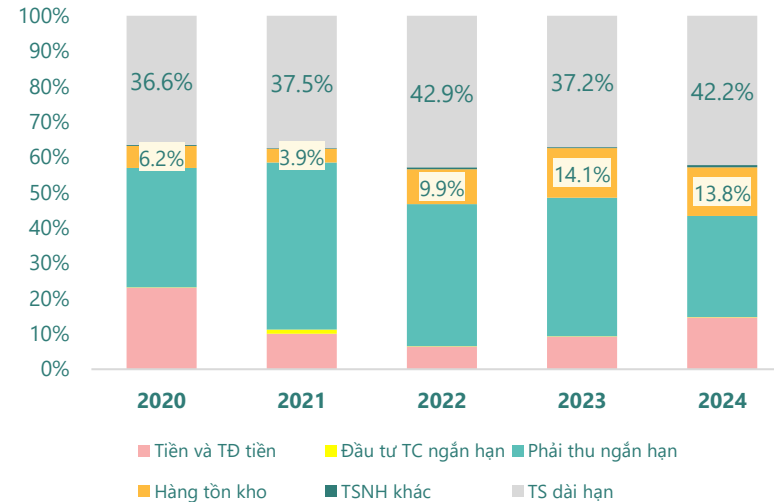
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

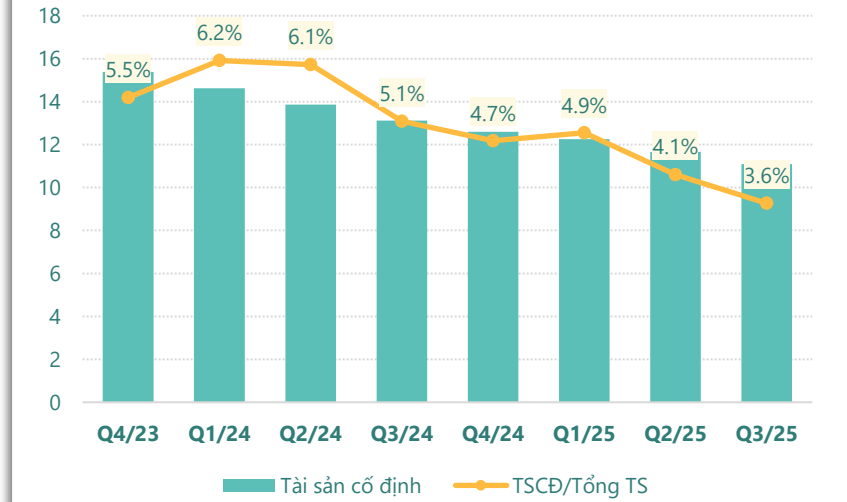
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

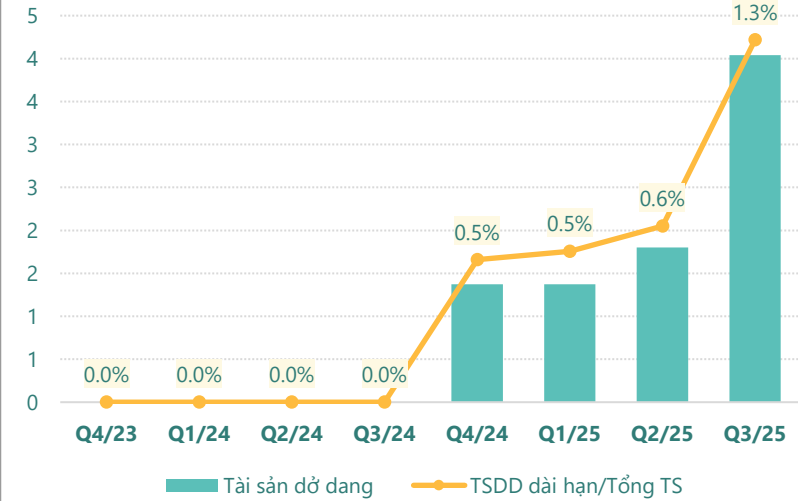
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

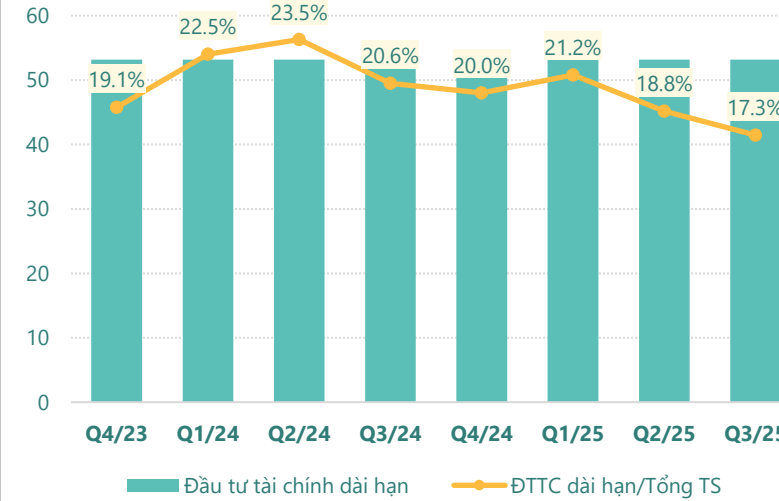
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

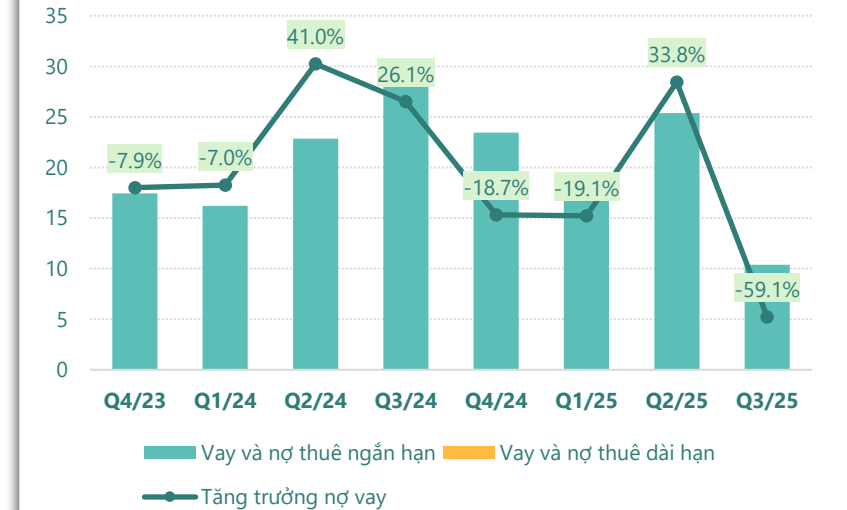
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

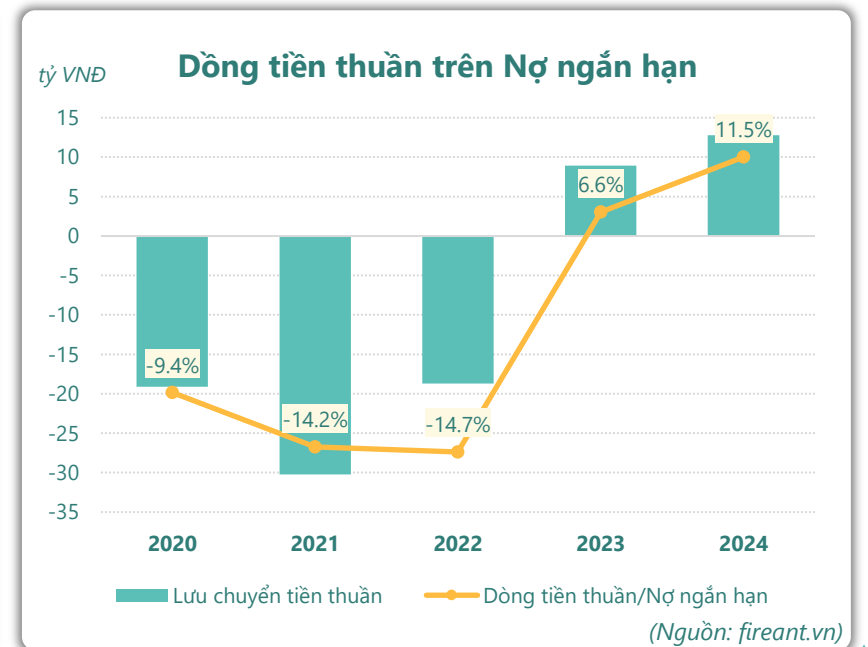
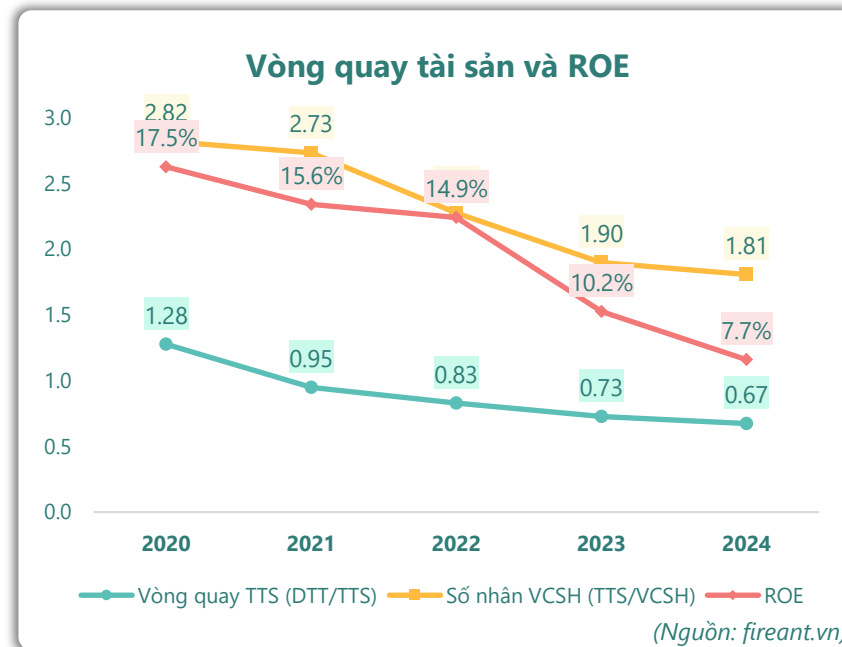
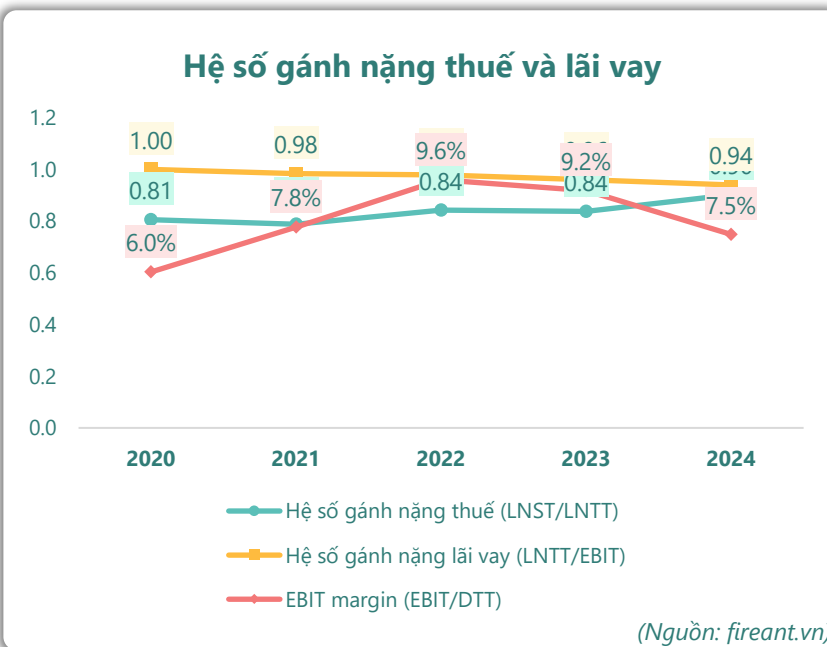
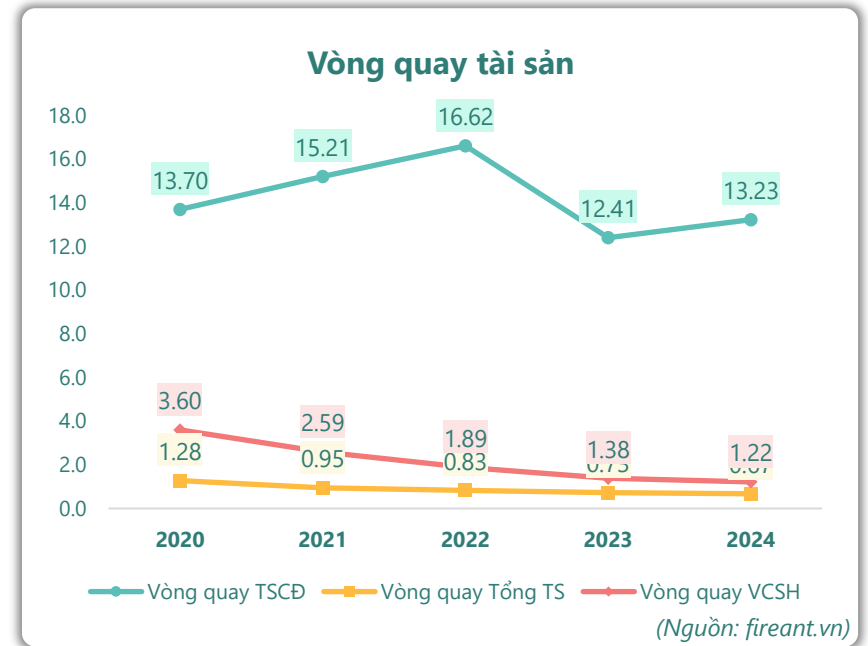
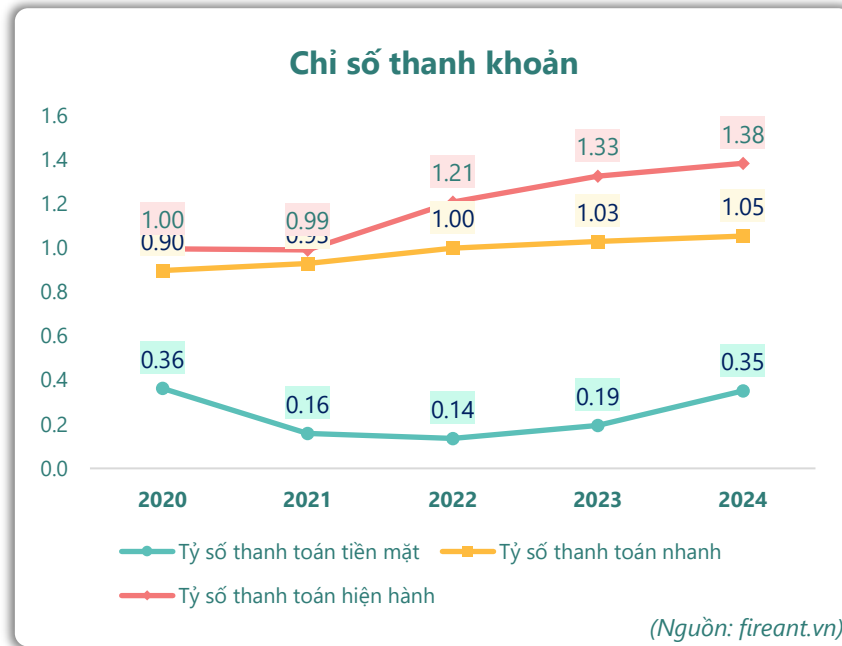
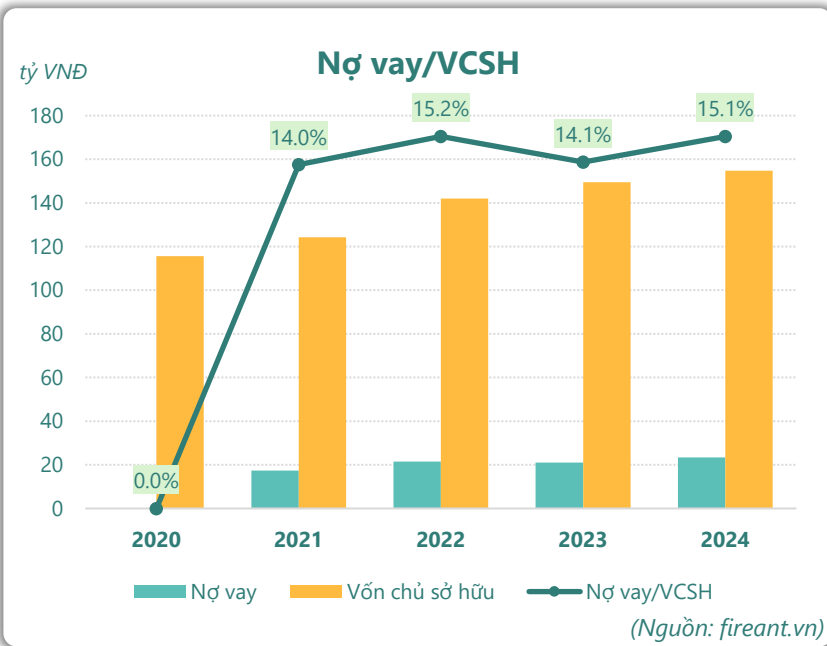
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	115	27.8	313%	223	77.8	187%
Giá vốn hàng bán	90.7	20.9	334%	164	64.9	153%
Lợi nhuận gộp	24.1	6.85	251%	59.1	12.9	357%
Doanh thu HĐTC	5.59	2.93	90.9%	13.6	10.7	27.4%
Chi phí TC	0.54	0.55	-1.0%	2.21	1.30	70.3%
Chi phí lãi vay	0.31	0.26	18.7%	0.81	0.61	32.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.67	2.09	75.7%	14.4	4.13	250%
Chi phí QLDN	18.9	6.97	171%	42.1	16.7	152%
LN thuần từ HĐKD	6.55	0.17	3753%	13.9	1.43	875%
Lợi nhuận khác	0.09	0.08	12.0%	0.11	0.02	582%
LN trước thuế	6.64	0.25	2556%	14.0	1.44	871%
Lợi nhuận sau thuế	5.82	0.25	2229%	12.0	0.81	1389%
LNST của CĐ cty mẹ	5.82	0.25	2229%	12.0	0.81	1389%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.4	29.4	31.3	-19.9	4.76	39.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.72	2.78	-0.56	5.06	1.96	3.55
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	10.0	-22.8	-14.2	-10.3	12.2	-33.5
Tiền đầu kỳ	10.7	13.1	22.5	38.9	13.8	32.7
Lưu chuyển tiền thuần	2.32	9.40	16.5	-25.2	18.9	9.33
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0.11	-0.11
Tiền cuối kỳ	13.1	22.5	38.9	13.8	32.7	42.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	308	266	15.8%
Tài sản ngắn hạn	196	154	27.6%
Tiền và tương đương tiền	42.0	38.9	7.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.22	0.22	0.0%
Phải thu ngắn hạn	111	76.0	46.4%
Hàng tồn kho	40.9	36.6	11.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.63	1.73	-5.8%
Tài sản dài hạn	112	112	-0.3%
Phải thu dài hạn	42.3	44.4	-4.6%
Tài sản cố định	11.1	12.6	-11.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.04	1.37	194%
Đầu tư tài chính dài hạn	53.2	53.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.13	0.64	78.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	142	111	28.4%
Nợ ngắn hạn	142	111	28.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.4	23.4	-55.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.2	15.4	11.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	165	155	6.8%
Vốn chủ sở hữu	165	155	6.8%
Vốn điều lệ	95.2	95.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

